|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **Thông tin về học phần**

* Tên học phần: **Chuyên đề nội ngoại thất công trình (Special topic on Interior and Exterior of construction projects)**
* Mã học phần: COE420
* Số tín chỉ: 2 (2/0/4)
* Bậc đào tạo: Đại học
* Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Tự chọn
* Học phần tiên quyết/ Học phần trước:
* Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ Thuật – Công Nghệ
* Số giờ tín chỉ: 30, trong đó:
* Lý thuyết: 30 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)

1. **Thông tin về giảng viên**

Giảng viên 1:

* Họ và tên : Võ Phán
* Chức danh, học vị : Tiến Sĩ
* Thời gian làm việc : Giờ hành chính (8:00 -16:00)
* Địa điểm làm việc : Khoa Kỹ thuật-Công nghệ - Trường Đại học Văn Hiến
* Điện thoại : 0913 867 008
* Email : phanv@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

* Họ và tên : Võ Nhật Luân
* Chức danh, học vị : Tiến sĩ
* Thời gian làm việc : Giờ hành chính (8:00 -16:00)
* Địa điểm làm việc : Khoa Kỹ thuật-Công nghệ - Trường Đại học Văn Hiến
* Điện thoại : 0907 959 453
* Email : [luanvn@vhu.edu.vn](mailto:luanvn@vhu.edu.vn)

1. **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về các đặc điểm và các yêu cầu cơ bản khi thiết kế nội và ngoại thất, nghiên cứu các giải pháp thiết kế như: kết cấu, vật lý kiến trúc, hệ thống kỹ thuật M-E, cấu tạo, vật liệu, công nghệ thi công.

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu thông qua nghiên cứu một thể loại công trình kiến trúc đặc thù.

1. **Mục tiêu của học phần**

Kết thúc môn học, sinh viên phải đạt được các tiêu chí sau:

***Kiến thức:*** Giới thiệu việc bố trí và các giải pháp về chiếu sáng và cách bố cục hình khối không gian kiến trúc. Ngoài ra, sinh viên dựa trên cơ sở đã được cung cấp đánh giá hiện trạng các công trình từ đó đưa ra giải pháp thiết kế, cải tạo một công trình cụ thể

***Kỹ năng:*** Có khả năng xác định cơ sở để xây dựng nhiệm vụ thiết kế: các bộ phận chức năng, hệ thống phòng ốc, thông số về chỉ tiêu quy mô, diện tich, chiều cao và các thông số kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc. Có khả năng xác định vị trí khu đất xây dựng, phân tích đánh giá về các yếu tố: giao thông, điều kiện tự nhiên khí hậu, quy hoạch kiến trúc cảnh quan, các yếu tố kinh tế, văn hóa, lịch sử, di sản,…. Đồng thời, dựa trên thể loại công trình đã chọn, sinh viên xác định cơ sở thiết kế: tiêu chuẩn, quy chuẩn, nguyên tắc thiết kế theo quy môm chỉ tiêu của loại hình công trình.

***Thái độ, chuyên môn:*** Có thái độ nghiêm túc trong quá trình nghe giảng, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài tập cá nhân, bài tập nhóm, trung thực trong học tập và thi cử.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần:**

| **Mã CĐR** | **Nội dung chuẩn đầu ra**  (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom) |
| --- | --- |
| **Kiến thức** | |
| CLO1 | Hiểu rõ về các vấn đề kỹ thuật, bố trí trang thiết bị kỹ thuật trong thiết kế nội thất công trình. Hiểu rõ về quá trình thực hiện một đồ án tốt nghiệp, xây dựng nhiệm vụ của một đồ án tốt nghiệp KTS |
| CLO2 | Vận dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuât vào thiết kế nội thất công trình. |
| CLO3 | Áp dụng các chỉ số chuẩn (tỷ lệ, kích thước,...) vào thiết kế nội thất công trình, những cơ sở thiết kế, chỉ tiêu kỹ thuât, chỉ tiêu diện tích vào việc xây dựng nhiệm vụ thiết kế |
| **Kỹ năng** | |
| CLO4 | Kỹ năng tổ chức nhóm, thuyết trình và trình bày có suy luận và logic, làm việc theo nhóm |
| CLO5 | Phân tích và lựa chọn giải pháp thiết kế, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để làm nền tảng cho các đồ án kiến trúc nội thất |
| **Mức độ tự chủ và trách nhiệm** | |
| CLO6 | Nhận thức được tầm quan trọng của môn học cho ngành thiết kế kiến trúc nội thất |
| CLO7 | Có thái độ phù hợp với yêu cầu của môn học và ngành học |

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

**và Chuẩn đầu ra học phần**

| **CĐR** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | **PLO7** | **PLO8** | **PLO9** | **PLO10** | **PLO11** |
| CLO1 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO2 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO3 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO4 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO5 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO6 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO7 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |

***Ghi chú: PLOs*** *(ProgrammeLearningOutcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

***CLOs****(Course LearningOutcomes): Chuẩn đầu ra học phần*

1. **Nội dung chi tiết của học phần**
2. **Học phần lý thuyết**

| **Chương** | **Nội dung** | **Đáp ứng CLOs** |
| --- | --- | --- |
| **Chương 1.** | **Thiết kế kỹ thuật** |  |
| 1.1. | Ý nghĩa, mục đích môn học xây dựng đề cương đồ án TN | CLO1, CLO2 |
| 1.2. | Trang thiết bị kỹ thuật công trình trong nội thất của hệ thống điện | CLO3, CLO4, CLO5 |
| 1.3. | Trang thiết bị kỹ thuật công trình trong nội thất của hệ thống cấp và thoát nước và cấu tạo bộ phận nội thất |
| 1.4. | Trang thiết bị kỹ thuật công trình trong nội thất của hệ thống điều hòa và thông gió và cấu tạo bộ phận nội thất |
| 1.5. | Trang thiết bị kỹ thuật công trình trong nội thất của hệ thống chiếu sáng trang trí và cấu tạo bộ phận nội thất | CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7 |
| 1.6. | Trang thiết bị kỹ thuật công trình trong nội thất của hệ thống giao thông đứng trong công trình và cấu tạo bộ phận nội thất |
| **Chương 2.** | **Xây dựng đề cương đồ án TN** |  |
| 2.1. | Phân tích và xây dưng đề tài | CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7 |
| 2.2. | Phân tích và xây dựng khung đề cương |
| 2.3. | Phân tích và triển khai chi tiết khung đề cương |

1. **Học phần thực hành**

| **Buổi** | **Nội dung** | **Đáp ứng CLOs** |
| --- | --- | --- |
| **Buổi 1.** |  |  |
| 1.1. | Chọn một thể loại kiến trúc nội thất phù hợp. | CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7 |
| 1.2. | Tìm hiểu rõ, phân tích, thiết kế kỹ thuật và làm bài tập trên bản vẽ |
| **Buổi 2.** | Phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp |
| **Buổi 3** | Phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp + slide |

1. **Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:**

| **Chương** | **Tên chương** | **Số tiết tín chỉ** | | | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Bài tập** | **Thực hành** | **Tự học** | **Tổng** |
| 1 | **Chương 1** | 5 |  |  | 10 |  |  |
| 2 | **Chương 2** | 10 |  |  | 20 |  |  |
| 3 | Chọn một thể loại kiến trúc nội thất phù hợp. |  | 3 |  | 3 |  |  |
| 4 | Tìm hiểu rõ, phân tích, thiết kế kỹ thuật và làm bài tập trên bản vẽ |  | 3 |  | 7 |  |  |
| 5 | Phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp |  | 6 |  | 10 |  |  |
| 6 | Phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp + slide |  | 6 |  | 10 |  |  |
| **Tổng** | | **15** | **15** |  | **60** |  |  |

**CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN**

1. Các nội dung phương pháp nghiên cứu khoa học áp dụng xây dựng đề cương đồ án TN
2. Các khái niệm, thiết kế kiến trúc nội thất
3. Các tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dung trong thiết kế kiến trúc nội thất
4. Các cơ sở thiết kế kiến trúc nội thất
5. Trình bày giải pháp thiết kế kỹ thuật cho công trình kiến trúc nội thất
6. Xây dựng đề cương đồ án TN dựa trên cơ sở tham khảo thực tế tại các công ty và đơn vị thiết kế
7. **Phương pháp giảng dạy:**

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

* + Thuyết trình
  + Vấn đáp
  + Hướng dẫn cách tư duy
  + Giao bài tập về nhà
  + Hướng dẫn tự học
  + Thảo luận nhóm

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy**

| **Phương pháp giảng dạy** | **CLO1** | **CLO2** | **CLO3** | **CLO4** | **CLO5** | **CLO6** | **CLO7** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuyết trình | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |
| Đọc và tóm lược nội dung tài liệu | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |
| Hướng dẫn cách tư duy | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |
| Giao bài tập về nhà | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |
| Hướng dẫn tự học | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |
| Thảo luận nhóm | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** | **x** |

1. **Phương pháp học tập**

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

* + Thuyết trình
  + Làm việc nhóm
  + Tự học, tự nghiên cứu
  + Hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao (bài tập, tiểu luận, …)

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập**

| **Phương pháp học tập** | **CLO1** | **CLO2** | **CLO3** | **CLO4** | **CLO5** | **CLO6** | **CLO7** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuyết trình | x | x | x | x | x | x | x |
| Làm việc nhóm | x | x | x | x | x | x | x |
| Tự học, tự nghiên cứu | x | x | x | x | x | x | x |
| Hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao | x | x | x | x | x | x | x |

1. **Nhiệm vụ của sinh viên**
   * Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
   * Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình.
   * Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
   * Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
   * Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.
2. **Thang điểm đánh giá:** Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.
3. **Rubric tự học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tốt** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (5đ) | Ít hơn 60% (<5đ) |
| Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (5đ) | Ít hơn 60% (<5đ) |
| Hoàn tất nhật ký việc tự học: 20% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (5đ) | Ít hơn 60% (<5đ) |

1. **Rubric tham dự lớp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tốt** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Thời gian tham dự: 60% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (5đ) | Ít hơn 60% (<5đ) |
| Thái độ tham dự: 40% | Chú ý, tích cực đóng góp (6đ) | Có chú ý và đóng góp (5đ) | Không chú ý/ không đóng góp (<5đ) |

1. **Rubric hoàn thành bài tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tốt** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (5đ) | Ít hơn 60% (<5đ) |
| Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (5đ) | Ít hơn 60% (<5đ) |

1. **Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ - Bài tập nhỏ cá nhân/Nhóm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ bảo thực hiện** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tốt** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO3.2  CLO4.1  CLO5.1 | * Chọn được tên đề tài đúng thể loại và phù hợp * Tài liệu bản vẽ và các yêu cầu của một công trình kiến trúc nội thất | 80 - 100% (8-10 điểm) | 60 - 79%  (5 - <8 điểm) | Ít hơn 60% (0 -<5 điểm) |

1. **Rubric câu hỏi tự luận – kiểm tra kết thúc học phần**

| **STT** | **Chỉ báo thực hiện** | **Câu hỏi tự luận** | **Tiêu chí đánh giá** | **Thang điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khái niệm chuyên ngành | * Trình bày các nội dung phương pháp nghiên cứu khoa học áp dụng xây dựng đề cương đồ án TN. * Trình bày các khái niệm, thiết kế kiến trúc nội thất | * Sinh viên hiểu và trình bày cụ thể được các khái niệm về giá trị và ý nghĩa nghiên cứu chuyên ngành | 3đ |
| 2 | Cơ sở lý thuyết | * Trình bày các tiêu chí,tiêu chuẩn kỹ thuật ápdung trong thiết kế kiếntrúc nội thất, * Trình bày các cơ sở thiếtkế kiến trúc nội thất. * Trình bày giải pháp thiết kế kỹ thuật cho công trình kiến trúc nội thất | * Sinh viên nghiên cứu và trình bày được những hiểu biết về cơ sở lý luận chuyên ngành | 3đ |
| 3 | Kinh nghiệm thực tế | * Xây dựng đề cương đồ án TN dựa trên cơ sở tham khảo thực tế tại các công ty và đơn vị thiết kế | * Sinh viên phân tích và đánh giá được tình hình thực tế thông qua tìm hiểu và nghiên cứu của từng cá nhân. | 4đ |
| **Tổng** | | | | **10đ** |

**13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2019 trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)**

**13.1. Tài liệu chính**

1. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất, NXB Xây dựng, Hà Nội, 2019
2. Phạm Việt Anh - Nguyễn Lan Anh, (2005), Thiết bị kỹ thuật trong kiến trúc công trình, NXB Xây dựng, Hà Nội

**13.2. Tài liệu tham khảo**

1. Viện Kiến trúc, Quy họach Đô thị và Nông thôn biên soạn, (TCVN 2009/BXD), “Công trình dân dụng - Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng”, Tiêu chuẩn quốc gia, Hà Nội.
2. PGS. TS.KTS Đặng Đức Quang, (2005), Cơ sở tạo hình kiến trúc, NXB Xây Dựng, Hà Nội.
3. KTS. Vũ Ngọc Cương, (2005), Giáo trình cấu tạo kiến trúc nội thất, NXB XD, Hà Nội

*TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hiệu trưởng**  **PGS.TS. Nguyễn Minh Đức** | **Trưởng Bộ môn**  (Ký và ghi rõ họ tên) | **Giảng viên biên soạn**  (Ký và ghi rõ họ tên)  TS. Võ Phán |